



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
34	DH71800412	Trần Ngọc Thùy	Trang	D18_KD01	11	-	-	-	-	11	-	-	4
35	DH71800580	Diệp Lê Thu	Trân	D18_KD01	15	-	-	-	-	15	-	-	0
36	DH71800081	Võ Ngọc	Trân	D18_KD01	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5
37	DH71801687	Lê Thị Cẩm	Tú	D18_KD01	23.5	-	-	-	-	23.5	-	-	0
38	DH71800301	Trần Anh	Tuấn	D18_KD01	15	-	-	-	-	-	15	-	0
39	DH71800901	Lê Thị Thanh	Tuyền	D18_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
40	DH71800273	Võ Triết	Tường	D18_KD01	6	-	-	-	-	6	-	-	9
41	DH71801755	Ngô Ngọc Thảo	Vy	D18_KD01	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
42	DH71800443	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D18_KD01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
43	DH71802517	Nguyễn Hoàng	Ân	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
44	DH71801449	Nguyễn Trần Gia	Bảo	D18_KD02	23.5	-	-	-	-	8.5	15	-	0
45	DH71800509	Nguyễn Lương Chí	Bình	D18_KD02	15	-	-	-	-	15	-	-	0
46	DH71800364	Trần Thanh	Bình	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
47	DH71800721	Nguyễn Thị Vân	Cẩm	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
48	DH71803104	Đặng Thị Mỹ	Chinh	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
49	DH71803459	Phan Thanh	Cường	D18_KD02	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
50	DH71803270	Phạm Thanh	Duy	D18_KD02	16	-	-	-	-	16	-	-	0
51	DH71803067	Trần Tứ	Đặng	D18_KD02	67	-	-	-	-	-	67	-	0
52	DH71803717	Nguyễn Thị Bích	Hằng	D18_KD02	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
53	DH71800329	Phạm Thị Thanh	Huyền	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
54	DH71804028	Nguyễn Thị Thùy	Loan	D18_KD02	114	41.5	-	-	-	72.5	-	-	0
55	DH71802891	Lý Khánh	Long	D18_KD02	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
56	DH71803561	Nguyễn Văn	Luân	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
57	DH71803179	Mai Duy	Mạnh	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
58	DH71801389	Lê Minh	Mẫn	D18_KD02	5	-	-	-	-	5	-	-	10
59	DH71801547	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D18_KD02	16	-	-	-	-	16	-	-	0
60	DH71801658	Trần Thị Bích	Ngọc	D18_KD02	11	-	-	-	-	11	-	-	4
61	DH71803460	Cao Trọng	Nhân	D18_KD02	16	-	-	-	-	16	-	-	0
62	DH71803547	Thương Văn	Phát	D18_KD02	16	-	-	-	-	16	-	-	0
63	DH71804093	Nông Vĩnh	Phong	D18_KD02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
64	DH71803517	Tạ Thị Bích	Phượng	D18_KD02	13	-	-	-	-	13	-	-	2
65	DH71803613	Mao Thực	Quân	D18_KD02	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
66	DH71800989	Cao Thái	Quý	D18_KD02	8	-	-	-	-	8	-	-	7
67	DH71803560	Phạm Mạnh Phương	Quyên	D18_KD02	16	-	-	-	-	16	-	-	0
68	DH71800570	Trương Tiến	Sang	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
69	DH71803244	Nguyễn Minh	Son	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
70	DH71800520	Diệp Sương	Sương	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
71	DH71800976	Lư Tuấn	Tài	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
72	DH71800639	Nguyễn Duy	Thái	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
73	DH71803335	Đặng Thị Minh	Thư	D18_KD02	3	-	-	-	-	3	-	-	12
74	DH71801678	Bùi Thị Thùy	Trang	D18_KD02	5	-	-	-	-	5	-	-	10

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
75	DH71803254	Phạm Thị Mỹ	Trang	D18_KD02	23	-	-	-	-	23	-	-	0
76	DH71802717	Vũ Ngọc	Tuấn	D18_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
77	DH71803106	Lê Diệp Thanh	Tùng	D18_KD02	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
78	DH71806464	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	D18_KD02	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
79	DH71800187	Luong Gia	Vinh	D18_KD02	15	-	-	-	-	15	-	-	0
80	DH71803462	Lê Hồng	Vũ	D18_KD02	4	-	-	-	-	4	-	-	11
81	DH71804119	Hà Thị	ý	D18_KD02	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
82	DH71804240	Nguyễn Thị	An	D18_KD03	4	-	-	-	-	4	-	-	11
83	DH71806389	Lê Minh	Anh	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
84	DH71804268	Lê Như	Anh	D18_KD03	23.5	23	-	-	-	0.5	-	-	0
85	DH71804338	Phan Quốc	Bảo	D18_KD03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
86	DH71803229	Lý Quốc	Bình	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
87	DH71802949	Lê Chí	Cường	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
88	DH71804383	Nguyễn Thị Kim	Danh	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
89	DH71804389	Lê Giai	Dinh	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
90	DH71804455	Trần Quốc	Dương	D18_KD03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
91	DH71804484	Nguyễn Hiền	Đức	D18_KD03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
92	DH71804558	Nguyễn Việt	Hà	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
93	DH71804673	Nguyễn Mỹ	Hào	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
94	DH71804578	Nguyễn Lê Bảo	Hân	D18_KD03	15	-	-	-	-	15	-	-	0
95	DH71804583	Phạm Ngọc	Hân	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
96	DH71804095	Phạm Thị	Hiền	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
97	DH71804694	Lê Đức	Hoàng	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
98	DH71804909	Phan Chấn	Kiên	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
99	DH71806382	Mai Đức	Lộc	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
100	DH71804100	Đinh Thị Khánh	Ngân	D18_KD03	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
101	DH71805139	Đỗ Võ Thanh	Ngân	D18_KD03	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
102	DH71805147	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
103	DH71803013	Trịnh Kim	Ngân	D18_KD03	19	19	-	-	-	-	-	-	0
104	DH71805214	Đào ái	Nhân	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
105	DH71805271	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	D18_KD03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
106	DH71801514	Nguyễn Thị Kim	Nhung	D18_KD03	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
107	DH71804126	Nguyễn Lê	Oanh	D18_KD03	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5
108	DH71805297	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
109	DH71804104	Võ Hồng Mỹ	Phúc	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
110	DH71805408	Nguyễn Ngọc Thu	Phuong	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
111	DH71805445	Đặng Hoàng	Quốc	D18_KD03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
112	DH71805542	Lê Mai Hoàng	Thanh	D18_KD03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
113	DH71805554	Lê Phú	Thành	D18_KD03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
114	DH71805602	Đặng Thị	Thắm	D18_KD03	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
115	DH71805571	Lê Minh	Thân	D18_KD03	7	-	-	-	-	7	-	-	8



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
157	DH71801359	Đặng Duy	Phong	D18_MAR01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
158	DH71800113	Nguyễn Ngọc Tuyết	Sương	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
159	DH71800772	Lại Thị Phương	Thảo	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
160	DH71802146	Nguyễn Vũ Đức	Thịnh	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
161	DH71800154	Huỳnh Võ Anh	Thư	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
162	DH71801492	Hồ Thị Thùy	Tiên	D18_MAR01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
163	DH71802733	Trần Nguyệt	Trinh	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
164	DH71800716	Vương Hà Minh	Trung	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
165	DH71801265	Nguyễn Thanh	Tùng	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
166	DH71800101	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
167	DH71704485	Huỳnh Cát	Tường	D18_MAR01	3	-	-	-	-	3	-	-	12
168	DH71800202	Ngô Mỹ	Vân	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
169	DH71800573	Trương Tố Thùy	Vân	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
170	DH71801376	Quách Tấn	Viễn	D18_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
171	DH71800044	Huỳnh Kim	Yến	D18_MAR01	3	-	-	-	-	3	-	-	12
172	DH71800122	Nguyễn Tiến	Anh	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
173	DH71800421	Lâm Nguyệt	Bửu	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
174	DH71800564	Bùi Trần Thành	Công	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
175	DH71803155	Đỗ Chí	Cường	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
176	DH71803114	Nguyễn Thị Bích	Duyên	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
177	DH71803709	Phạm Minh	Đan	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
178	DH71800313	Võ Văn Thành	Đạt	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
179	DH71800738	Phạm Thị Thúy	Hằng	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
180	DH71802682	Trần Thị Thu	Hoài	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
181	DH71803436	Huỳnh Kim	Hoàng	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
182	DH71602888	Hồ	Học	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
183	DH71802432	Nguyễn Quốc	Huy	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
184	DH71800740	Đỗ Thị Thanh	Lam	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
185	DH71802649	Lê Thị Thùy	Linh	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
186	DH71800680	Lưu Mỹ	Linh	D18_MAR02	15	-	1	-	-	14	-	-	0
187	DH71800545	Nguyễn Ngọc Minh	Mẫn	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
188	DH71800742	Lưu Ngọc	Mỹ	D18_MAR02	13	-	2	-	-	11	-	-	2
189	DH71800252	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
190	DH71803128	Phạm Thị Thanh	Ngân	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
191	DH71800339	Lâm Thục	Nghi	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
192	DH71801298	Lê Minh	Ngọc	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
193	DH71800934	Lê Thanh	Nhã	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
194	DH71800468	Nguyễn Quỳnh	Nhi	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
195	DH71800865	Võ Hoàn	Nhung	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
196	DH71801640	Lê Thị Kim	Oanh	D18_MAR02	7	-	-	-	-	7	-	-	8
197	DH71800072	Huỳnh Lương Mỹ	Phụng	D18_MAR02	4	-	-	-	-	4	-	-	11

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
198	DH71800069	Nguyễn Việt	Phuong	D18_MAR02	4	-	-	-	-	4	-	-	11
199	DH71802854	Võ Thị Thúy	Quỳnh	D18_MAR02	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
200	DH71802522	Dương Thanh	Thảo	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
201	DH71803508	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D18_MAR02	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5
202	DH71803464	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
203	DH71800867	Nguyễn Xuân	Thảo	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
204	DH71800040	Lê Long	Thăng	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
205	DH71803424	Nguyễn Đức	Thắng	D18_MAR02	5	-	-	-	-	5	-	-	10
206	DH71802018	Hồ Thị Thúy	Thi	D18_MAR02	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0
207	DH71800370	Phạm Nguyễn Đan	Thịnh	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
208	DH71800415	Trần Thị Diễm	Thuy	D18_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
209	DH71801399	Nguyễn Dương Thanh	Thùy	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
210	DH71700134	Nguyễn Thị Minh	Thư	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
211	DH71801992	Nguyễn Thị Minh	Thư	D18_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
212	DH71802846	Phạm Ngọc	Trâm	D18_MAR02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
213	DH71700769	Nguyễn Hoàng Tuyết	Trinh	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
214	DH71800853	Phạm Nguyễn Lâm	Tú	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
215	DH71802817	Phan Quý	Tùng	D18_MAR02	11	-	-	-	-	11	-	-	4
216	DH71801323	Huỳnh Nhật	Tường	D18_MAR02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
217	DH71802306	Nguyễn Đình	Văn	D18_MAR02	18	-	-	-	-	18	-	-	0
218	DH71801819	Trần Thảo	Vân	D18_MAR02	3	-	-	-	-	3	-	-	12
219	DH71800601	Lê Vũ Xuân	Vy	D18_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
220	DH71801641	Trần Thị Thùy	Vy	D18_MAR02	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
221	DH71801245	Trịnh Ngọc Yên	Vy	D18_MAR02	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
222	DH71801118	Nguyễn Xuân	Yến	D18_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
223	DH71801290	Tạ Trần Thị Ngọc	Dung	D18_MAR03	59	-	-	-	-	59	-	-	0
224	DH71801808	Nguyễn Kim	Duyên	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
225	DH71803420	Huỳnh Quốc	Đạt	D18_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
226	DH71801384	Nguyễn Tấn	Giàu	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
227	DH71800630	Nguyễn Khắc	Hiên	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
228	DH71802551	Ngô Bình	Huy	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
229	DH71802405	Nguyễn Thị Thảo	Hương	D18_MAR03	23.5	23.5	-	-	-	-	-	-	0
230	DH71802742	Ngũ Như	Khiết	D18_MAR03	16	-	-	-	-	16	-	-	0
231	DH71802550	Đoàn Đăng	Khoa	D18_MAR03	24	-	-	-	-	24	-	-	0
232	DH71804893	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	D18_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
233	DH71802909	Nguyễn Thị Hồng	Lan	D18_MAR03	1.5	-	-	-	1	0.5	-	-	13.5
234	DH71802423	Đặng Trí Thanh	Liên	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
235	DH71802824	Lưu Huệ	Linh	D18_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
236	DH71801761	Võ Hoàng Khánh	Linh	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
237	DH71801436	Nguyễn Thị Xuân	Mai	D18_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
238	DH71802771	Tô Nhi Vi	Na	D18_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
239	DH71803476	Đặng Ngọc Trinh	Nguyễn	D18_MAR03	24.5	24.5	-	-	-	-	-	0
240	DH71800882	Hồ Văn	Nguyễn	D18_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	14
241	DH71801010	Huỳnh Thị Trúc	Như	D18_MAR03	20	-	-	-	-	20	-	0
242	DH71800947	Phan Lý Hồng	Phát	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
243	DH71802253	Lý Xuân	Phụng	D18_MAR03	13.5	-	-	-	-	13.5	-	1.5
244	DH71803047	Trần Minh Hoàng	Phụng	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
245	DH71803555	Nguyễn Thanh	Quan	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
246	DH71801715	Huỳnh Thị Nguyệt	Quế	D18_MAR03	14	-	-	-	-	14	-	1
247	DH71802435	Nguyễn Xuân	Quỳnh	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
248	DH71803637	Lê Thị Hồng	Thắm	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
249	DH71801230	Phạm Thị Thanh	Thúy	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
250	DH71803483	Phạm Thị Thanh	Thúy	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
251	DH71801365	Phan Thị Thanh	Thúy	D18_MAR03	42.5	4	1.5	-	-	1	36	0
252	DH71805697	Dương Thị Anh	Thư	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
253	DH71801084	Dương Trần Anh	Thư	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
254	DH71801007	Tô Thiện	Tín	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
255	DH71801050	Nguyễn Thị Ngọc	Trà	D18_MAR03	28	-	-	-	-	28	-	0
256	DH71803402	Trần Minh Uyên	Trang	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
257	DH71801214	Trương Thị Thùy	Trang	D18_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	15
258	DH71801327	Lê Bảo	Trâm	D18_MAR03	29	-	-	-	-	29	-	0
259	DH71801773	Lê Thảo	Vy	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
260	DH71802480	Lê Thị Phương	Yến	D18_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
261	DH71804296	Lê Thị	ánh	D18_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	15
262	DH71804153	Phan Thị	Diễm	D18_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	15
263	DH71803844	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D18_MAR04	15	-	-	-	-	15	-	0
264	DH71804444	Vũ Thị Hồng	Duyên	D18_MAR04	48.5	22.5	-	-	1	25	-	0
265	DH71804466	Nguyễn Kim	Đào	D18_MAR04	11.5	-	-	-	-	11.5	-	3.5
266	DH71702015	Nguyễn Tấn	Đạt	D18_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	15
267	DH71804669	Trần Minh	Hạnh	D18_MAR04	12	-	-	-	-	12	-	3
268	DH71804573	Lê Khả	Hân	D18_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	15
269	DH71803699	Lê Ngọc	Hân	D18_MAR04	7	-	-	-	-	7	-	8
270	DH71803900	Lê Công	Hậu	D18_MAR04	8	-	-	-	-	8	-	7
271	DH71804190	Thị Vinh	Huê	D18_MAR04	3	-	-	-	-	3	-	12
272	DH71804030	Lâm Tâm	Hùng	D18_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	15
273	DH71800099	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D18_MAR04	15	-	-	-	-	15	-	0
274	DH71804124	Nguyễn Thị Liên	Hương	D18_MAR04	9	-	-	-	-	9	-	6
275	DH71803836	Tổng Duy	Lai	D18_MAR04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
276	DH71804930	Phan Thị Nhật	Lan	D18_MAR04	1.5	-	-	-	-	1.5	-	13.5
277	DH71801047	Nguyễn Bích	Liên	D18_MAR04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	14.5
278	DH71804091	Nguyễn Yến	Linh	D18_MAR04	13.5	-	-	-	-	13.5	-	1.5
279	DH71804995	Phạm Thị Mỹ	Linh	D18_MAR04	6	-	-	-	-	6	-	9



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
321	DH71805144	Lê Phạm Kim	Ngân	D18_MAR05	18.5	-	-	-	-	18.5	-	-	0
322	DH71805150	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D18_MAR05	14.5	4	-	-	-	10.5	-	-	0.5
323	DH71805199	Trương Trần	Nguyên	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
324	DH71805257	Bùi Lưu Tiên	Nhật	D18_MAR05	34.5	30	-	-	-	4.5	-	-	0
325	DH71806402	Lê Minh	Nhật	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
326	DH71805233	Hồng Bảo	Nhi	D18_MAR05	18	15	-	-	-	3	-	-	0
327	DH71805328	Từ Bội	Phấn	D18_MAR05	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
328	DH71805344	Đình Việt	Phú	D18_MAR05	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
329	DH71805376	Võ Đức Huy	Phúc	D18_MAR05	32.5	30	-	-	-	2.5	-	-	0
330	DH71805379	Vũ Đặng	Phúc	D18_MAR05	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
331	DH71805384	Đào Thị Kim	Phượng	D18_MAR05	8.5	7.5	-	-	-	1	-	-	6.5
332	DH71805462	Lưu Ngọc Tú	Quyên	D18_MAR05	2	-	-	-	-	2	-	-	13
333	DH71806412	Phạm Ngọc	Tài	D18_MAR05	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
334	DH71805544	Nguyễn Châu Thanh	Thanh	D18_MAR05	30	30	-	-	-	-	-	-	0
335	DH71802633	Nguyễn Thùy Thanh	Thanh	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
336	DH71805666	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
337	DH71806399	Nguyễn Đức	Thuận	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
338	DH71805696	Vũ Trần Ngọc	Thúy	D18_MAR05	52.5	41	-	-	-	11.5	-	-	0
339	DH71805713	Hà Thị	Thương	D18_MAR05	12	6	-	-	-	6	-	-	3
340	DH71806409	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tiên	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
341	DH71801121	Nguyễn Triều	Tiên	D18_MAR05	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
342	DH71806391	Nguyễn Tấn	Toàn	D18_MAR05	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
343	DH71805801	Lê Thị Thùy	Trang	D18_MAR05	40.5	-	-	-	-	11.5	29	-	0
344	DH71805814	Trần Thị Yên	Trang	D18_MAR05	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
345	DH71805827	Phan Thế Ngọc	Trâm	D18_MAR05	30	30	-	-	-	-	-	-	0
346	DH71805868	Trần Thị út	Trinh	D18_MAR05	16	-	-	-	1	15	-	-	0
347	DH71803897	Nguyễn Long Phi	Trường	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
348	DH71805917	Nguyễn Tấn Đan	Trường	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
349	DH71805987	Hồ Nguyễn Phương	Uyên	D18_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
350	DH71805994	Phạm Hoàng	Uyên	D18_MAR05	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5
351	DH71806420	Nguyễn Thụy Phương	Vy	D18_MAR05	1	-	-	-	-	1	-	-	14
352	DH71800276	Nguyễn Hoài	An	D18_TC01	12	-	-	-	-	12	-	-	3
353	DH71800250	Trương Văn	An	D18_TC01	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0
354	DH71800006	Huỳnh Quốc	Bảo	D18_TC01	15	-	-	-	-	15	-	-	0
355	DH71800821	Trần Đình	Duy	D18_TC01	19.5	-	-	-	-	-	19.5	-	0
356	DH71800077	Trần Nguyễn Hồng	Gấm	D18_TC01	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5
357	DH71802128	Huỳnh Hữu	Hào	D18_TC01	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
358	DH71800818	Nguyễn Nguyên	Hào	D18_TC01	10.5	-	-	-	-	1.5	9	-	4.5
359	DH71800121	Nguyễn Thị Minh	Hoài	D18_TC01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
360	DH71800137	Lương Tịnh	Huê	D18_TC01	15	-	-	-	-	15	-	-	0
361	DH71800645	Trương Huy	Khánh	D18_TC01	13	-	-	-	-	13	-	-	2

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
362	DH71800899	Chung	Kiên	D18_TC01	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0
363	DH71801602	Đặng Diệu	Linh	D18_TC01	26	-	-	-	-	8	18	-	0
364	DH71800291	Huỳnh Xuân	Mai	D18_TC01	15	-	-	-	-	15	-	-	0
365	DH71800047	Vương Thúy	Mẫn	D18_TC01	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
366	DH71800274	Nguyễn Trà	My	D18_TC01	12	-	-	-	-	12	-	-	3
367	DH71800180	Phạm Thoại	Mỹ	D18_TC01	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
368	DH71802493	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	D18_TC01	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5
369	DH71801463	Trần Thị Minh	Ngân	D18_TC01	4	-	-	-	-	4	-	-	11
370	DH71801718	Nguyễn Hồng	Ngọc	D18_TC01	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
371	DH71801089	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	D18_TC01	18.5	-	-	-	1	17.5	-	-	0
372	DH71703997	Vòng Lý Nguyên	Phuong	D18_TC01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
373	DH71800391	Dương Bảo	Thành	D18_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
374	DH71801073	Vũ Thị Yên	Thảo	D18_TC01	12.5	-	-	-	-	1.5	11	-	2.5
375	DH71800129	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thắng	D18_TC01	16	-	-	-	-	16	-	-	0
376	DH71801076	Lê Kim	Thuận	D18_TC01	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
377	DH71802054	Lâm Thị Cẩm	Tiên	D18_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
378	DH71800691	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	D18_TC01	12	-	-	-	-	1	11	-	3
379	DH71801605	Trần Lê Cẩm	Tiên	D18_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
380	DH71800206	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	D18_TC01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
381	DH71801081	Nguyễn Hồng Tuyết	Trân	D18_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
382	DH71801275	Nguyễn Thị	Trinh	D18_TC01	15	-	-	-	-	15	-	-	0
383	DH71801452	Nguyễn Thành	Trung	D18_TC01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
384	DH71801173	Châu Thị Quang	Tuyền	D18_TC01	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
385	DH71800212	Huỳnh Kim	Yên	D18_TC01	4	-	-	-	-	4	-	-	11
386	DH71800996	Trương Thị Lan	Anh	D18_TC02	9	-	-	-	-	9	-	-	6
387	DH71801282	Nguyễn Hoàng	Danh	D18_TC02	15	-	-	-	-	11	4	-	0
388	DH71804217	Lê Thị Hồng	Đào	D18_TC02	14	-	-	-	-	14	-	-	1
389	DH71802887	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	D18_TC02	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
390	DH71803041	Nguyễn Lê Thế	Hiển	D18_TC02	25	24	-	-	-	1	-	-	0
391	DH71802579	Cao Quang	Huy	D18_TC02	23	-	-	-	1	1	21	-	0
392	DH71801962	Nguyễn Trương Thúy	Huyền	D18_TC02	16	-	-	-	-	16	-	-	0
393	DH71802347	Nguyễn Hoàng	Kha	D18_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
394	DH71801235	La Thị Thanh	Kiều	D18_TC02	36.5	30	-	-	-	6.5	-	-	0
395	DH71803556	Thân Thị Ngọc	Lan	D18_TC02	46.5	39	-	-	-	7.5	-	-	0
396	DH71800997	Nguyễn Thị Yên	Linh	D18_TC02	17	-	-	-	-	13	4	-	0
397	DH71800448	Hồ Trần Mỹ	Lộc	D18_TC02	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
398	DH71806405	Thượng Thị Thiên	Lý	D18_TC02	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
399	DH71800292	Nguyễn Hồng	Ngọc	D18_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
400	DH71801542	Phạm Thị Bích	Ngọc	D18_TC02	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
401	DH71800636	Huỳnh Phối	Nhi	D18_TC02	16.5	-	-	-	-	12.5	4	-	0
402	DH71802494	Lâm Băng	Nhi	D18_TC02	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5





STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
485	DH71904983	Phạm Thị Kìa	D19_KD01	32.5	-	-	-	-	32.5	-	-	0
486	DH71905029	Nguyễn Thị Thiên Lý	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
487	DH71903980	Lê Thị Mai	D19_KD01	71	15	-	-	-	56	-	-	0
488	DH71905322	Lê Nguyễn Tuyết Ngân	D19_KD01	9	-	-	-	-	9	-	-	6
489	DH71904093	Nguyễn Văn Quốc Ngọc	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
490	DH71900334	Đỗ Anh Nhật	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
491	DH71902218	Nguyễn Hồng Nhi	D19_KD01	7	-	-	-	-	7	-	-	8
492	DH71902551	Lê Thị Quỳnh Như	D19_KD01	2	-	-	-	-	2	-	-	13
493	DH71904416	Lý Minh Tâm	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
494	DH71904456	Mã Đỗ Thiện Thanh	D19_KD01	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
495	DH71902933	Nguyễn Ngọc Giang Thanh	D19_KD01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
496	DH71902925	Nguyễn Thị Phương Thanh	D19_KD01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
497	DH71905586	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	D19_KD01	7	-	-	-	-	7	-	-	8
498	DH71904497	Nguyễn Thị Thảo	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
499	DH71905529	Nguyễn Phước Thịnh	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
500	DH71900966	Trần Nguyễn Thanh Thùy	D19_KD01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
501	DH71902615	Trần Thị Hồng Thủy	D19_KD01	3	-	-	-	-	3	-	-	12
502	DH71900394	Phạm Thị Ngọc Thúy	D19_KD01	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
503	DH71902823	Nguyễn Thị Hoài Thương	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
504	DH71904623	Nguyễn Duy Thương	D19_KD01	2	-	-	-	-	2	-	-	13
505	DH71902133	Huỳnh Anh Thy	D19_KD01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
506	DH71902818	Nguyễn Thị Bảo Trang	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
507	DH71904706	Nguyễn Thụy Ngọc Trâm	D19_KD01	7	-	-	-	-	7	-	-	8
508	DH71902626	Lê Nguyễn Thị Huyền Trân	D19_KD01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
509	DH71902817	Nguyễn Thị Bảo Trân	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
510	DH71904796	Hoàng Anh Tú	D19_KD01	6	-	-	-	-	6	-	-	9
511	DH71900277	Trần Nguyễn Minh Tú	D19_KD01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
512	DH71904836	Hoàng Văn Tuyền	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
513	DH71904837	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	D19_KD01	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
514	DH71901608	Lê Thúy Vi	D19_KD01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
515	DH71806099	Phan Thị Thanh Vy	D19_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
516	DH71901044	Võ Nguyễn Mộng Vy	D19_KD01	12	-	-	-	-	12	-	-	3
517	DH71902384	Huỳnh Thị Khả Ái	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
518	DH71905385	Nguyễn Thị Vân Anh	D19_KD02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
519	DH71905100	Đình Phạm Thiên Ân	D19_KD02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
520	DH71905497	Hàn Long Bảo	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
521	DH71900200	Nguyễn Gia Bảo	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
522	DH71900369	Trần Thị Ngọc Bích	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
523	DH71901881	Phan Đặng Thanh Bình	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
524	DH71903236	Lê Quốc Bửu	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
525	DH71903250	Lê Thị Huyền Châu	D19_KD02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
526	DH71903349	Mai Trần Khánh	Duy	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
527	DH71902589	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	D19_KD02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
528	DH71902044	Nguyễn Ngô Kỳ	Duyên	D19_KD02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
529	DH71902845	Nguyễn Hồ Ngọc	Giang	D19_KD02	5	-	-	-	-	5	-	-	10
530	DH71900155	Nguyễn Hải	Hà	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
531	DH71902197	Trần Thị	Hào	D19_KD02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
532	DH71905133	Huỳnh Ngọc	Hân	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
533	DH71903533	Phan Thị Kim	Hân	D19_KD02	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5
534	DH71905107	Trần Thị Mỹ	Hồng	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
535	DH71902269	Trần Quốc	Huy	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
536	DH71903852	Nguyễn Thị Thúy	Lan	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
537	DH71902480	Lê Du Gia	Linh	D19_KD02	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
538	DH71905579	Huỳnh Thị Thảo	Ngân	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
539	DH71905078	Lê Trung	Nghĩa	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
540	DH71904076	Phan Trọng	Nghĩa	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
541	DH71902636	Trần Thị Thanh	Ngọc	D19_KD02	3	-	-	-	-	3	-	-	12
542	DH71904120	Hồ Ngọc	Nhân	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
543	DH71905291	Ngô Thị Tuyết	Nhi	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
544	DH71902076	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
545	DH71901967	Bùi Mạnh	Phát	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
546	DH71901418	Phạm Nhật	Quang	D19_KD02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
547	DH71902237	Hoàng Thanh	Tân	D19_KD02	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
548	DH71900188	Phạm Chiến	Thắng	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
549	DH71900281	Nguyễn Kim	Thoa	D19_KD02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
550	DH71900076	Lê Mộng	Thu	D19_KD02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
551	DH71902100	Lê Tùng Bảo	Trâm	D19_KD02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
552	DH71902676	Nguyễn Hà	Trâm	D19_KD02	14	-	-	-	-	14	-	-	1
553	DH71902258	Bành Thanh Minh	Trí	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
554	DH71905250	Trần Thị Ngọc	Trinh	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
555	DH71905310	Lê Việt	Tuấn	D19_KD02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
556	DH71901837	Nguyễn Việt	Tùng	D19_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
557	DH71902667	Ngô Thị Thanh	Vy	D19_KD02	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
558	DH71902287	Trần Thị Thanh	Xuyên	D19_KD02	4	-	-	-	-	4	-	-	11
559	DH71903119	Lại Tấn Trường	An	D19_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
560	DH71900513	Nguyễn Thị Minh	An	D19_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
561	DH71903153	Ngô Hiếu	Anh	D19_MAR01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
562	DH71901184	Nguyễn Thị Huế	Anh	D19_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
563	DH71901050	Nguyễn Kim	ánh	D19_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
564	DH71903203	Lê Thanh	Bảo	D19_MAR01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
565	DH71800157	Hồ Minh	Châu	D19_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
566	DH71903314	Võ Thị	Diễm	D19_MAR01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
608	DH71901520	Trần Lê	Xuân	D19_MAR01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
609	DH71901238	Huỳnh Mai Hải	Yến	D19_MAR01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
610	DH71903036	Nguy Kiều Nguyệt	ánh	D19_MAR02	7	-	-	-	1	6	-	-	8
611	DH71902074	Nguyễn Văn	Cường	D19_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
612	DH71900078	Nguyễn Phúc Minh	Đặng	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
613	DH71901677	Phan Thị Thu	Hà	D19_MAR02	17	-	-	-	-	17	-	-	0
614	DH71900102	Đặng Thị Kim	Hằng	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
615	DH71902553	Vương Chí	Huy	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
616	DH71903699	Lương Minh	Huyền	D19_MAR02	7	-	-	-	-	7	-	-	8
617	DH71900534	Nguyễn Thái	Hung	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
618	DH71901309	Trần Thọ	Khang	D19_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
619	DH71903792	Huỳnh Thị Kim	Khánh	D19_MAR02	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
620	DH71900010	Tăng Diệu	Khánh	D19_MAR02	12	-	-	-	-	12	-	-	3
621	DH71900338	Nguyễn Phước Tuấn	Kiệt	D19_MAR02	6	-	-	-	-	6	-	-	9
622	DH71905022	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D19_MAR02	10	-	-	-	1	9	-	-	5
623	DH71900448	Nguyễn Lê Trường	Luân	D19_MAR02	6	-	-	-	-	6	-	-	9
624	DH71900688	Nguyễn Phan Trúc	Mai	D19_MAR02	13	-	-	-	-	13	-	-	2
625	DH71904048	Nguyễn Đoàn Thanh	Ngân	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
626	DH71900699	Trần Ngọc Mỹ	Ngân	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
627	DH71904055	Trần Thu	Ngân	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
628	DH71901793	Trần Minh	Nghĩa	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
629	DH71901100	Chung Phương	Ngọc	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
630	DH71901722	Trần Hồng	Ngọc	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
631	DH71904109	Phan Nguyễn Huỳnh	Nguyên	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
632	DH71904112	Trần Thị Thảo	Nguyên	D19_MAR02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
633	DH71900432	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	D19_MAR02	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
634	DH71900353	Đoàn Thị Quỳnh	Như	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
635	DH71900214	Nguyễn Thị Ngọc	Như	D19_MAR02	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
636	DH71901030	Lê Văn	Nước	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
637	DH71900330	Phạm Tấn	Phát	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
638	DH71904235	Nguyễn Phương Thành	Phong	D19_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
639	DH71904288	Nguyễn Trọng	Phương	D19_MAR02	5	-	-	-	-	5	-	-	10
640	DH71900449	Vũ Thị Thu	Phương	D19_MAR02	11	-	-	-	-	11	-	-	4
641	DH71904308	Trần Chân	Quang	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
642	DH71900323	Võ Trúc	Quỳnh	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
643	DH71904396	Nguyễn Anh Minh	Tài	D19_MAR02	16	15	-	-	1	-	-	-	0
644	DH71903051	Huỳnh Công	Thành	D19_MAR02	6	-	-	-	-	6	-	-	9
645	DH71904501	Lê Thị Hồng	Thắm	D19_MAR02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
646	DH71900114	Lục Nguyên	Thuận	D19_MAR02	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
647	DH71900431	Nguyễn Minh	Thuận	D19_MAR02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
648	DH71904597	Trương Thị Thanh	Thúy	D19_MAR02	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
649	DH71900356	Phùng Thị Anh	Thư	D19_MAR02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
650	DH71904647	Nguyễn Phùng Minh	Tiến	D19_MAR02	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
651	DH71900275	Lê Thị Như	Trang	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
652	DH71904694	Phạm Thị Quỳnh	Trang	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
653	DH71904702	Huỳnh Phạm Quế	Trâm	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
654	DH71900400	Nguyễn Thị Huệ	Trân	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
655	DH71900694	Đậu Thị	Trì	D19_MAR02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
656	DH71900011	Võ Thị Kiều	Trinh	D19_MAR02	8	-	-	-	1	7	-	-	7
657	DH71901719	Nguyễn Dương Thanh	Tùng	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
658	DH71905040	Đình Thế	Uy	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
659	DH71903047	Phùng Thái	Vinh	D19_MAR02	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5
660	DH71904921	Lê Trung	Vĩnh	D19_MAR02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
661	DH71900136	Phạm Quỳnh Ngọc	Vy	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
662	DH71901756	Hồ Nhật	ý	D19_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
663	DH71904710	H Trâm	Ya	D19_MAR02	8	-	-	-	-	8	-	-	7
664	DH71905097	Nguyễn Thúy	An	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
665	DH71901564	Nguyễn Thái	Anh	D19_MAR03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
666	DH71905094	Phạm	Anh	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
667	DH71902355	Trần Quốc	Bảo	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
668	DH71901571	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	D19_MAR03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
669	DH71905342	Hồ Hải	Đặng	D19_MAR03	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
670	DH71905237	Nguyễn Hải	Đặng	D19_MAR03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
671	DH71902819	Nguyễn Đức	Em	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
672	DH71902902	Phạm Trường	Giang	D19_MAR03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
673	DH71902065	Bùi Duy Hải	Hà	D19_MAR03	15	-	-	-	-	15	-	-	0
674	DH71902155	Trần Chí	Hào	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
675	DH71901392	Lê Thị Thanh	Hiền	D19_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
676	DH71900354	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
677	DH71902215	Ngũ Tuấn	Hùng	D19_MAR03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
678	DH71902367	Trần Quang	Huy	D19_MAR03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
679	DH71902471	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
680	DH71905365	Hà Hải	Hung	D19_MAR03	2	-	-	-	-	2	-	-	13
681	DH71902385	Nguyễn	Hung	D19_MAR03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
682	DH71903820	Nguyễn Duy	Khôi	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
683	DH71902183	Nguyễn Thị Khánh	Lài	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
684	DH71905108	Trương Yên	Linh	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
685	DH71903022	Nguyễn Hoàng	Long	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
686	DH71905507	Ngô Minh	Nghĩa	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
687	DH71902766	Bạch Vũ Thảo	Nhi	D19_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
688	DH71905134	Nguyễn Lâm Yên	Nhi	D19_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
689	DH71901146	Phan Thùy Tuyết	Nhi	D19_MAR03	1	-	-	-	-	1	-	-	14











STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
895	DH72003401	Nguyễn Phước Đạt	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
896	DH72003780	Võ Lê Thị Huỳnh Giang	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
897	DH72001594	Vũ Nhật Hào	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
898	DH72001980	Hồ Thị Ngọc Hân	D20_QT01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
899	DH71902656	Lê Vũ Mạnh Hiếu	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
900	DH72000076	Tôn Tuyết Hoa	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
901	DH72000643	Trần Quốc Hoài	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
902	DH72001863	Nguyễn Trung Kiên	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
903	DH72002718	Đặng Thị Cẩm Ly	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
904	DH72000830	Phan Thị Diễm My	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
905	DH72001608	Đặng Ngọc Thu Ngân	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
906	DH72002156	Đặng Thị Kim Ngân	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
907	DH72000143	Hồ Thị Bích Ngân	D20_QT01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
908	DH72001604	Trần Trung Nghĩa	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
909	DH72001262	Phạm Bích Ngọc	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
910	DH72005984	Nguyễn Hoàng Nguyên	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
911	DH72002726	Trương Thị Hương Nhanh	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
912	DH72001671	Nguyễn Ngọc Nhi	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
913	DH72002655	Nguyễn Thị Yến Nhi	D20_QT01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
914	DH72001864	Mai Huỳnh Như	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
915	DH72003627	Lê Thị Kiều Oanh	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
916	DH71904309	Vũ Minh Quang	D20_QT01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
917	DH72000052	Lê Nguyễn Ngọc Quý	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
918	DH72003052	Nguyễn Thị Sang Sang	D20_QT01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
919	DH72002705	Hoàng Thị Sen	D20_QT01	5	-	-	-	-	5	-	-	10
920	DH72002786	Nguyễn Trần Thiện Thanh	D20_QT01	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
921	DH72003594	Nguyễn Minh Thành	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
922	DH72000040	Nguyễn Thị Thu Thảo	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
923	DH72003230	Võ Tường Phương Thảo	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
924	DH72003158	Ngô Ngọc Minh Thông	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
925	DH72001742	Nguyễn Minh Thư	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
926	DH72001220	Nguyễn Hoàng Cẩm Tiên	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
927	DH71803575	Võ Ngọc Tiên	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
928	DH72003899	Nguyễn Thị Thùy Trang	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
929	DH72002914	Hoàng Thị Ngọc Trâm	D20_QT01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
930	DH72002231	Nguyễn Đỗ Phương Trâm	D20_QT01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
931	DH72001868	Võ Trương Bảo Trân	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
932	DH72003797	Đỗ Võ Thúy Trinh	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
933	DH71901462	Huỳnh Anh Tú	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
934	DH72000041	Trần Anh Tú	D20_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
935	DH72002232	Nguyễn Thị Thu Uyên	D20_QT01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5







STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1059	DH72000399	Nguyễn Gia	Huy	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1060	DH72003896	Văn Thái Trường	Khang	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1061	DH72003579	Biện Thanh Anh	Khoa	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1062	DH72003522	Bùi Anh	Khoa	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1063	DH72001575	Bùi Phạm Hoàng	Lâm	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1064	DH72003571	Nguyễn Thị Hồng	Loan	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1065	DH72003071	Nguyễn Đăng Thảo	Ly	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1066	DH72003641	Bùi Thị ái	Mỹ	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1067	DH72003175	Nguyễn Bảo	Ngân	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1068	DH72003914	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1069	DH72003549	Nguyễn Phúc	Nghĩa	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1070	DH72003907	Lê Thị Bích	Ngọc	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1071	DH72003293	Ngô Nguyễn Yến	Nhi	D20_QT05	22	-	-	-	-	22	-	-	0
1072	DH72003752	Võ Thị Tuyết	Nhung	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1073	DH72003812	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1074	DH72003946	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1075	DH72003516	Nguyễn Thị Thục	Oanh	D20_QT05	34	-	-	-	-	34	-	-	0
1076	DH72003545	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1077	DH72003906	Lâm Hạnh	Phuong	D20_QT05	2	-	-	-	-	2	-	-	13
1078	DH72001417	Trần Ngọc Thái	Tài	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1079	DH72001449	Tô Trường	Thanh	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1080	DH72003873	Phạm Hồng	Thư	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1081	DH72003887	Đào Huỳnh Hoàng	Tiến	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1082	DH72002119	Du Thị Ngọc	Trang	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1083	DH72003620	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1084	DH72003609	Lê Võ Bích	Trâm	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1085	DH72001559	Tổng Minh	Trí	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1086	DH72003564	Phan Thanh	Trúc	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1087	DH72001147	Đoàn Thanh	Tuấn	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1088	DH72003601	Lê Thị Ngọc	Tuyền	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1089	DH72003256	Phạm Thanh	Vũ	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1090	DH72003572	Trần Hoàng Hồng	Vy	D20_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1091	DH72005041	Đỗ Thị Huế	Anh	D20_QT06	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5
1092	DH72005164	Lê Nguyễn Vy	Anh	D20_QT06	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1093	DH72005176	Trương Bảo	Anh	D20_QT06	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1094	DH72004056	Huỳnh Sanh Kim	ánh	D20_QT06	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
1095	DH72007323	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1096	DH72005178	Phan Thị	ánh	D20_QT06	7	-	-	-	-	7	-	-	8
1097	DH72002897	Phạm Hoàng	Bảo	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1098	DH72004105	Tạ Trần Minh	Cường	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1099	DH72003886	Huỳnh Ngọc	Dung	D20_QT06	2	-	-	-	-	2	-	-	13

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1100	DH72005216	Nguyễn Thạch Lâm Duy	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1101	DH72005223	Nguyễn Thị Thùy Dương	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1102	DH72005237	Phan Duy Đô	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1103	DH72004076	Nguyễn Quang Đông	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1104	DH72004048	Nguyễn Văn Đức	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1105	DH72000619	Nguyễn Hương Giang	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1106	DH72004363	Ngô Thị Ngọc Giao	D20_QT06	14.5	-	-	-	-	14.5	-	-	0.5
1107	DH72004464	Nghiêm Thị Ngọc Giàu	D20_QT06	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1108	DH72004351	Đỗ Thị Hiền	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1109	DH72004469	Đỗ Đăng Quốc Huy	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1110	DH72004218	Nguyễn Thị Hương	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1111	DH72004081	Võ Thị ý Lan	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1112	DH72004186	La Gia Linh	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1113	DH72004208	Nguyễn Hữu Lợi	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1114	DH72004431	Huỳnh Thị Trúc Ly	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1115	DH72004181	Thái Kim Ngân	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1116	DH72004463	Trần Kim Ngân	D20_QT06	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1117	DH72004068	Dương Hà Tuyết Nhi	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1118	DH72004182	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhung	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1119	DH72004193	Cao Huỳnh Như	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1120	DH72004144	Nguyễn Thành Nhứt	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1121	DH72004417	Phùng Thị Kiều Oanh	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1122	DH72004476	Nguyễn Đức Phát	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1123	DH72004324	Lê Bá Hoàng Phi	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1124	DH71902064	Đoàn Minh Phúc	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1125	DH72004142	Trần Thị Minh Phượng	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1126	DH72004340	Lôi Diễm Quỳnh	D20_QT06	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1127	DH72004123	Nguyễn Ngọc Quỳnh	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1128	DH72006717	Võ Ngọc Nhã Quỳnh	D20_QT06	6	-	-	-	-	6	-	-	9
1129	DH72004222	Tạ Bảo Tài	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1130	DH72004158	Hồ Thị Phương Thanh	D20_QT06	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1131	DH72004129	Trần Thái Thanh	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1132	DH72003528	Hoàng Khắc Thành	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1133	DH72004091	Võ Văn Thi	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1134	DH72004297	Ngô Hoa Thiên	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1135	DH72004362	Trần Hữu Thịnh	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1136	DH72005562	Nguyễn Trung Thuận	D20_QT06	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1137	DH72004832	Dương Kim Thùy	D20_QT06	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1138	DH72004409	Phạm Lê Anh Thư	D20_QT06	0	-	-	-	-	0.5	-	-	15
1139	DH72005573	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1140	DH72004070	Nguyễn Văn Thành Tính	D20_QT06	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5







STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1264	DH72005473	Lê Nguyễn Phương	Quyên	D20_QT09	10.5	9	-	-	-	1.5	-	-	4.5
1265	DH72007188	Tổng Trúc	Quyên	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1266	DH72005476	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	D20_QT09	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1267	DH72005486	Nguyễn Cao	Son	D20_QT09	4	-	-	-	-	4	-	-	11
1268	DH72005488	Đoàn Thu	Suong	D20_QT09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1269	DH72005537	Nguyễn Phúc	Thành	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1270	DH72007357	Nguyễn Ngọc	Thảo	D20_QT09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1271	DH72005546	Nguyễn Đức	Thắng	D20_QT09	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1272	DH72005547	Nguyễn Trần Quốc	Thắng	D20_QT09	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1273	DH72005555	Lê Phú	Thịnh	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1274	DH72005556	Phạm Lê Hưng	Thịnh	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1275	DH72005572	Nguyễn Trần Anh	Thư	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1276	DH72005575	Nguyễn Thị Vân	Thy	D20_QT09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1277	DH72005614	Phạm Thanh	Trúc	D20_QT09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1278	DH72005508	Hàn Thị Cẩm	Tú	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1279	DH72007201	Đoàn Thị Sơn	Tuyền	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1280	DH72005522	Nguyễn Thanh	Tuyền	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1281	DH72005625	Ngô Gia	Văn	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1282	DH72007191	Lê Cao Khánh	Vân	D20_QT09	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1283	DH72005654	Đỗ Thanh	Xuân	D20_QT09	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1284	DH72005169	Ong Nguyễn Mai	Anh	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1285	DH72005175	Trần Duy	Anh	D20_QT10	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1286	DH72005039	Vũ Thị Phương	Anh	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1287	DH72005206	Tăng Kiệt	Dinh	D20_QT10	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1288	DH72005233	Trương Thành	Đạt	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1289	DH72005240	Trương Minh Quỳnh	Giang	D20_QT10	2	-	-	-	-	2	-	-	13
1290	DH72006624	Trần Văn	Giàu	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1291	DH72005244	Mai Thị Khánh	Hà	D20_QT10	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1292	DH72006767	Mai Thị Phương	Hà	D20_QT10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1293	DH72005254	Trần Thanh	Hào	D20_QT10	4	-	-	-	-	4	-	-	11
1294	DH72006938	Nguyễn Đức	Hiếu	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1295	DH72005280	Nguyễn Văn Tiến	Hùng	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1296	DH72005284	Đặng Phước Nhật	Huyền	D20_QT10	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1297	DH72005288	Nguyễn Việt	Hung	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1298	DH72005016	Đào Thị Kiều	Linh	D20_QT10	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1299	DH72006647	Phan Thùy	Linh	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1300	DH72005341	Trần Hoàng Ngọc	Loan	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1301	DH72005354	Trần Thị Thanh	Mai	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1302	DH72005358	Nguyễn Hiếu	Minh	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1303	DH72006738	Nguyễn Quang	Minh	D20_QT10	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1304	DH72005365	Trịnh Thị	My	D20_QT10	6	-	-	-	-	6	-	-	9



STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1346	DH72007295	Trần Phương	Đông	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1347	DH72006853	Nguyễn Khắc	Đức	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1348	DH72007025	Từ Văn	Hào	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1349	DH72006594	Huỳnh Thị Mỹ	Hằng	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1350	DH72007018	Trương Thị Mỹ	Hằng	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1351	DH72007096	Đình Trọng	Hiển	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1352	DH72005273	Nguyễn Thị Huỳnh	Hoa	D20_QT11	0.5	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1353	DH72006585	Lê Hồng Anh	Kiệt	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1354	DH72006662	Vũ Văn	Lộc	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1355	DH72006934	Nguyễn Hoài	Ly	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1356	DH72007271	Đặng Thị Thu	Mai	D20_QT11	2	-	-	-	2	-	-	13
1357	DH72006591	Sái Thị Kiều	Mai	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1358	DH72006780	Lê Đan	My	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1359	DH72006933	Hà Thị	Mỹ	D20_QT11	1.5	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1360	DH72005369	Lê Thị Kim	Mỹ	D20_QT11	0.5	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1361	DH72006941	Đỗ Thái	Nam	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1362	DH72007287	Văn Nguyễn Thị Thu	Nga	D20_QT11	2.5	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1363	DH72007036	Đặng Thị Kim	Ngân	D20_QT11	1.5	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1364	DH72006745	Đoàn Thị Thúy	Ngân	D20_QT11	3	-	-	-	3	-	-	12
1365	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1366	DH72006602	Huỳnh Trung	Nghĩa	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1367	DH72007028	Nguyễn Bích	Ngọc	D20_QT11	1.5	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1368	DH72006670	Huỳnh Thị Yến	Nhi	D20_QT11	1	-	-	-	1	-	-	14
1369	DH72006960	Lê Thị ánh	Nhi	D20_QT11	1.5	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1370	DH72007048	Nguyễn Trần Huỳnh	Như	D20_QT11	0.5	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1371	DH72007317	Thái Duy	Phú	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1372	DH72006998	Châu Tuấn	Phúc	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1373	DH72005451	Phan Hoàng Gia	Phúc	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1374	DH72006990	Đỗ Thị Thu	Phương	D20_QT11	0.5	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1375	DH72006936	Vũ Thị	Quyên	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1376	DH72002193	Lê Phạm Phương	Quỳnh	D20_QT11	0.5	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1377	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh	Thảo	D20_QT11	4	-	-	-	4	-	-	11
1378	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	D20_QT11	4	-	-	-	4	-	-	11
1379	DH72006595	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	D20_QT11	2	-	-	-	2	-	-	13
1380	DH72007031	Lương Nữ Kiều	Tiên	D20_QT11	1	-	-	-	1	-	-	14
1381	DH72006579	Nguyễn Ngọc Hà	Tiên	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1382	DH72006734	Châu Bích	Tiên	D20_QT11	1	-	-	-	1	-	-	14
1383	DH72006955	Lê Thị Hồng	Trang	D20_QT11	3	-	-	-	3	-	-	12
1384	DH72007327	Dương Thị Ngọc	Trâm	D20_QT11	1.5	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1385	DH72007092	Nguyễn Phương Ngọc	Trâm	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	15
1386	DH72007003	Lê Hoàng Bảo	Trân	D20_QT11	1	-	-	-	1	-	-	14

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1387	DH72007064	Khuru Thị Thanh	Trúc	D20_QT11	3	-	-	-	-	3	-	-	12
1388	DH72005514	Đặng Hoàng Anh	Tuấn	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1389	DH72007063	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D20_QT11	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
1390	DH72006781	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D20_QT11	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1391	DH72005038	Nguyễn Phạm Tố	Uyên	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1392	DH72007057	Nguyễn Thị Bích	Vân	D20_QT11	7	-	-	-	-	7	-	-	8
1393	DH72006989	Phạm Thị Bích	Vân	D20_QT11	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1394	DH72007070	Lê Hồng Hoàng	Yến	D20_QT11	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1395	DH72006991	Hoàng Phước Dân	An	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1396	DH72007247	Nguyễn Thị Kim	Anh	D20_QT12	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
1397	DH72006726	Nguyễn Thành	Bảo	D20_QT12	10	-	-	-	-	10	-	-	5
1398	DH72006597	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1399	DH72006963	Cát Ngọc	Diệp	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1400	DH72007227	Phạm Trần Mỹ	Duyên	D20_QT12	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1401	DH72005220	Lê Khánh	Dương	D20_QT12	5	-	-	-	-	5	-	-	10
1402	DH72006903	Đặng Ngọc Minh	Đức	D20_QT12	12	-	-	-	-	12	-	-	3
1403	DH72006587	Trần Duy	Đức	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1404	DH72007132	Đặng Nguyễn Khánh	Hà	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1405	DH72006800	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1406	DH72006801	Nguyễn Phú	Hiệp	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1407	DH72006638	Cao Văn	Huy	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1408	DH72006915	Lương Đặng Quỳnh	Hương	D20_QT12	15	-	-	-	-	15	-	-	0
1409	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo	Hương	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1410	DH72007304	Nguyễn An	Khang	D20_QT12	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1411	DH72006657	Trần Võ Hoàng	Kim	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1412	DH72007187	Đào Ngọc Thảo	Lan	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1413	DH72007207	Huỳnh Phương	Linh	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1414	DH72006635	Lâm Mỹ	Linh	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1415	DH72006909	Hoàng Thị Thanh	Loan	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1416	DH72007224	Bản Ngọc	Long	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1417	DH72007120	Nguyễn Thị Hiền	Mơ	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1418	DH72007154	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1419	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1420	DH72007062	Nguyễn Nguyên Thanh	Nhã	D20_QT12	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
1421	DH72006944	Phạm Trung	Nhân	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1422	DH72007190	Hồ Thị Quỳnh	Như	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1423	DH72007038	Bùi Tú	Quyên	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1424	DH72007060	Hà Tuyết	Sương	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1425	DH72006978	Nguyễn Quốc	Thắng	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1426	DH72007183	Hoàng Thị Mai	Thị	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1427	DH72007105	Hồ Tấn	Thuận	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1428	DH72007040	Trần Ngọc Thúy	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1429	DH72007212	Lương Ngọc Thùy Tiên	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1430	DH72006816	Trần Thị Mỹ Tiên	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1431	DH72007004	Đoàn Ngọc Bảo Trâm	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14
1432	DH72007021	Châu Thị Quế Trân	D20_QT12	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
1433	DH72007109	Ngô Minh Tuấn	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1434	DH72006895	Võ Thị Sông Tuyền	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1435	DH72007059	Mai ánh Tuyết	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1436	DH72007039	Mai Ngọc Thanh Vân	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1437	DH72007314	Bùi Thịnh Vy	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1438	DH72006946	Hoàng Thị Tường Vy	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1439	DH72006918	Vũ Ngọc Thảo Vy	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1440	DH72006630	Trần Thanh Xuân	D20_QT12	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1441	DH72007086	Đào Kim Yên	D20_QT12	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1442	DH72007229	Nguyễn Thị Hải Yên	D20_QT12	1	-	-	-	-	1	-	-	14

Tổng số SV: **1442**

Đã hoàn thành: **129**

Chưa hoàn thành: **1313**

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2022

**Người lập bảng**

**Phụ trách Phòng CTSV**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Diễm Ngân**

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**

**PGS, TS. CAO HÀO THI**